

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 170/2024/HS-ST

Ngày: 24-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lâm Như Quỳnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 174/2024/HSST ngày 21 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng N; sinh ngày: 08/11/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: 85/1/1A tổ A, ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Tháng 6/2023 bị Công an P2, quận T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cất giấu công cụ hỗ trợ trong phương tiện giao thông nhằm mục đích gây rối trật tự nơi công cộng; tạm giữ, tạm giam: ngày 11/01/2024 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Trần Văn B; sinh ngày: 15/3/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5 Đường E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: 5 Đường E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật

giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Lê Thị Diễm P; tiền án: Không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: ngày 11/01/2024.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: B T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Trần Văn Q, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 đường E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 09/01/2024, Nguyễn Hoàng N và Trần Văn B chơi bida tại địa chỉ số F Á, phường T, quận T. Sau đó N rủ B đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. B đồng ý và điều khiển xe máy hiệu Vario biển số 59K2-47601 chở N đi qua nhiều tuyến đường tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật khoảng 20 giờ 55 phút cùng ngày tại trước nhà địa chỉ số C B, Phường A, quận T, N phát hiện bà Nguyễn Thị T đang đứng, trên tay cầm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 màu xanh. N báo hiệu cho B biết, B liền chạy xe áp sát phía trước mặt bà T, N ngồi sau dùng tay phải cướp giật được điện thoại di động hiệu Iphone 14 của bà T, rồi B tăng ga tẩu thoát. bà T tri hô, chạy bộ đuổi theo. Lúc này, ông Nguyễn Đức H1 và ông Lê Ngọc P1 đang điều khiển xe máy lưu thông trên đường B nhìn thấy B và N cướp giật điện thoại nên truy đuổi theo.

Trên đường tẩu thoát, B dừng xe trước cửa hàng điện thoại di động “Hà My” tại địa chỉ số F T, phường T, quận T, N đi vào cửa hàng điện thoại di động gặp ông Nguyễn Văn T1 (chủ cửa hàng) nhờ mở khóa màn hình điện thoại để bán nhưng ông T1 không đồng ý. Khi N cầm điện thoại đi ra trước số F T, phường T, quận T thì bị ông Nguyễn Đức H1 và ông Lê Ngọc P1 phát hiện, cùng người dân bắt giữ giao cho Công an phường T, quận T. Ngày 10/01/2024, Công an phường T bàn giao Nguyễn Hoàng N và Trần Văn B cho Công an P3, quận T xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Hoàng N và Trần Văn B khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 (dung lượng 128GB) màu xanh, tại bản Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận T kết luận, trị giá 11.930.000 đồng, người bị hại chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản.

- 01 xe máy hiệu Vario, màu nâu đen, biển số 59K2-476.01 (phương tiện cướp giật), số máy: KF41E1665689, số khung 4112KK665005, tình trạng đã qua sử dụng.

Bị cáo Trần Văn B khai mượn xe máy của ông Trần Văn Q (anh ruột của B). Ông Trần Văn Q trình bày mua xe máy từ chủ xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 08/01/2024, ông Q cho B mượn xe đi chơi, không biết việc B sử dụng xe làm phương tiện cướp giật tài sản. Kết quả xác minh người đăng ký xe là ông Nguyễn Thanh Đ, nơi cư ngụ: 266/3/9 Chợ L, Phường A, Quận F; xác minh anh Đ không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư ngụ hiện nay.

- 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xám và 01 (một) quần dài màu đen của B mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản (Nhập kho vật chứng);

- 01 (một) áo thun dài tay màu đen, phía trước màu xám và 01 (một) quần short màu đen của N mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản (Nhập kho vật chứng);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, Cơ quan điều tra đã trả cho Trần Văn B theo Quyết định số 1563/QĐ-ĐTTH ngày 06/08/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR màu trắng, Cơ quan điều tra đã trả cho Nguyễn Hoàng N theo Quyết định số 1563/QĐ-ĐTTH ngày 06/08/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T;

- 01 USB ghi nhận hình ảnh B và N cướp giật điện thoại di động của chị T (đính kèm hồ sơ vụ án).

Tại bản Cáo trạng số 173/CT-VKS-TB ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Hoàng N và Trần Văn B về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng N và Trần Văn B và đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) của các bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản

2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù và Bị cáo Trần Văn B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị can, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị T là bị hại đã nhận lại tài sản, đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu nào khác. Ông Trần Văn Q là có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình điều tra đã có lời khai của bà T, ông Q nên việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn Q theo quy định của pháp luật.

[4] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Văn B và Nguyễn Hoàng N là đồng phạm và đã có hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe máy, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của bị hại ngay trên đường phố nên các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở.

[5] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo y cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với: 01 xe máy hiệu Vario, màu nâu đen, biển số 59K2-476.01 (phương tiện cướp giật), Trần Văn B khai mượn của ông Trần Văn Q (anh ruột của B) và cư trú cùng với bị cáo Trần Văn B. Kết quả xác minh người đăng ký xe là anh Nguyễn Thanh Đ, nơi cư ngụ: 266/3/9 Chợ L, Phường A, Quận F; xác minh anh Đ không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư ngụ hiện nay. Theo Thông báo kết quả tra cứu vật chứng số 101 ngày 06/8/2024, xe máy biển số 59K2-476.01 có số máy KF41E1665689; số khung: 4112KK665005 không có cơ sở dữ liệu vật chứng lưu trữ tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C1 tính đến ngày 06/8/2024. Xét thấy ông Trần Văn Q hiện đang thực tế quản lý tài

sản và đang giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển số 59K2-476.01; tuy nhiên ông Q không xuất trình được tài liệu thể hiện việc mua bán hợp pháp xe máy nói trên. Như vậy, chưa xác minh được tình trạng chuyển quyền sở hữu xe, cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình đăng báo tìm chủ sở hữu đối với xe máy có biển số: 59K2-476.01, số máy KF41E1665689, số khung: 4112KK665005 trong thời gian 01 (một) năm; quá thời gian trên không có ai đến nhận thì lập thủ tục trả lại xe cho ông Trần Văn Q (quản lý và sử dụng xe). Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với xe máy biển số 59K2-476.01, số máy: KF41E1665689, số khung: 4112KK665005 thì sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đối với: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xám và 01 (một) quần dài màu đen B mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản xét thấy đây là vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, thi hành án và bị cáo không muốn nhận lại, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) áo thun dài tay màu đen, phía trước màu xám và 01 (một) quần short màu đen Nam mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản xét thấy đây là vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án và bị cáo không muốn nhận lại, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR màu trắng, xét đây là vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xét thấy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Nguyễn Hoàng N là phù hợp với quy định pháp luật.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, xét đây là vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xét thấy việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Trần Văn B là phù hợp với quy định pháp luật.

- Đối với: 01 USB ghi nhận hình ảnh B và N cướp giật điện thoại di động của chị T vào ngày 09/01/2024 Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục lưu kèm hồ sơ.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 47, Điều 50 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ vào Điều 106, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng N và bị cáo Trần Văn B phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N và bị cáo Trần Văn B.

[2] Xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xám và 01 (một) quần dài màu đen B mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản (Tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 176/2024/BB ngày 04/9/2024 giữa Công an quận T và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) áo thun dài tay màu đen, phía trước màu xám và 01 (một) quần short màu đen Nam mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản (Tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 176/2024/BB ngày 04/9/2024 giữa Công an quận T và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình đăng báo tìm chủ sở hữu đối với xe máy có biển số: 59K2-476.01, số máy KF41E1665689, số khung: 4112KK665005 trong thời gian 01 (một) năm, quá thời gian trên không có ai đến nhận thì lập thủ tục trả lại xe cho ông Trần Văn Q (quản lý và sử dụng xe). Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với xe máy biển số 59K2-476.01, số máy: KF41E1665689, số khung: 4112KK665005 thì giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (Tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 176/2024/BB ngày 04/9/2024 giữa Công an quận T và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

- Tiếp tục lưu kèm 01 USB ghi nhận hình ảnh bị cáo Nguyễn Hoàng N và Trần Văn B cướp giật điện thoại di động của bà T vào ngày 09/01/2024.

[3] Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn B chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án;

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND quận Tân Bình; (5)
- Công an quận Tân Bình; (2)
- Chi cục THADS quận Tân Bình; (1)
- Người tham gia tố tụng; (3)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (7)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Hùng

